TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa****:*** Không tham gia.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2018/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp BN, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim L trình bày: Chị L và anh P kết hôn vào năm 1997, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống vợ chồng được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên đã ly thân từ năm 2010 đến nay.

Nguyên nhân mất hạnh phúc do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cải, anh P thường hay nhậu, không quan tâm chăm lo gia đình và có hành vi bạo lực gia đình. Nay chị L không còn tình cảm với anh P nên xin ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị L và anh P có 02 con chung là Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/5/1998 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 10/5/2006, hiện hai cháu đang sống chung với chị L.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai hay ngược lại không có ai nợ vợ chồng.

Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh P; yêu cầu được trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 10/5/2006, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Nguyễn Hoàng P1 đã trưởng thành; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của chị L gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L yêu cầu được ly hôn với anh P; yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 10/5/2006, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Nguyễn Hoàng P1 đã trưởng thành; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh P sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 53/2002 được Ủy ban nhân dân xã LM cấp ngày 31/12/2002, cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh P là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung giữa chị L và anh P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, anh P có hành vi bạo lực gia đình nên đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân chị L và anh P không quan tâm, liên lạc với nhau và không tự đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị L cho rằng không còn tình cảm và cương quyết xin được ly hôn với anh P. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp

nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh P là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị L và anh P có 02 con chung là Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/5/1998 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 10/5/2006, hiện hai cháu đang sống chung với chị L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 10/5/2006, riêng cháu Nguyễn Hoàng P1 sinh ngày 29/5/1998 hiện nay đã trưởng thành. Xét thấy, cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 10/5/2006, đến ngày xét xử sơ thẩm được trên 12 tuổi. Tại bản tự khai ngày 29/11/2017 cháu T có nguyện vọng được sống chung với mẹ (chị L) khi cha mẹ (anh P, chị L) ly hôn. Mặt khác, từ khi chị L và anh P ly thân đến nay cháu T do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, phía anh P cũng không quan tâm chăm lo cho cháu T. Do đó, vì quyền L mọi mặt của cháu T và nhằm tránh làm sáo trộn sự phát triển về tâm sinh lý của cháu và phù hợp theo nguyện vọng của cháu T nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Riêng cháu Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/5/1998 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giao cho chị L hay anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 0010501, ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị L không phải nộp thêm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh P vắng mặt tại phiên tòa hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2

Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

2/- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 10/5/2006 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Hoàng P1 đã trưởng thành.

Chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3/- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 0010501, ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị L không phải nộp thêm.

5/- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/- Về quyền kháng cáo: Chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh P vắng mặt tại phiên tòa hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã LM, huyện MT;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo